



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 117/HQĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 2 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: **Kỹ thuật tàu thủy.**

Tiếng Anh: **Naval Architecture and Marine Engineering.**

I.2. Tên ngành: Kỹ thuật tàu thủy Mã số: 52520122

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học.

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy.

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm.

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 155 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng).

I.8. Khoa/viện quản lý: Kỹ thuật giao thông.

I.9. Giới thiệu về chương trình

Chương trình ngành kỹ thuật tàu thủy trang bị cho người học những kiến thức về thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau. Sau khi học tập người học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để có thể tiếp cận ngay được công việc tại các cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy hoặc các cơ sở có liên quan đến ngành kỹ thuật tàu thủy.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học Kỹ thuật tàu thủy nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức và các kỹ năng cần thiết nhằm phát triển con người toàn diện và đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy nói chung và cơ khí tàu thuyền nghề cá nói riêng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

II.2. Mục tiêu cụ thể

1. Có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
2. Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về khoa học cơ bản, xã hội và nhân văn ; Kiến thức cơ sở ngành thích hợp và có kiến thức chuyên môn sâu về thiết kế, đóng sửa thân tàu, máy và thiết bị tàu ... ; Kiến thức tin học và tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy đáp ứng yêu cầu công việc.



Về kỹ năng: Sinh viên ngành kỹ thuật tàu thủy có kỹ năng thực hiện các công việc về cơ khí cơ bản, về tính toán thiết kế các loại tàu thông dụng, về công nghệ đóng sửa thân tàu thủy, về lắp đặt, sửa chữa hệ động lực và thiết bị tàu thủy, đặc biệt tàu nghề cá.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn, sức khỏe

A.1. Có lập trường chính trị tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

A.2. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

B. Kiến thức

B.1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quân sự; hình thành được thế giới quan và phương pháp luận khoa học để làm cơ sở cho việc tiếp cận, lĩnh hội các vấn đề chuyên môn và thực tiễn; có hiểu biết cơ bản về thể dục thể thao và phương pháp rèn luyện sức khỏe.

B.2. Hiểu và áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc ngành đào tạo.

B.3. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở như: vật liệu học, cơ học ứng dụng, vẽ kỹ thuật tàu, nguyên lý - chi tiết máy, điện, ... để học tốt các kiến thức chuyên môn của ngành kỹ thuật tàu thủy.

B.4. Hiểu và áp dụng được các phương pháp tính toán tính năng của tàu thủy, tính toán thiết kế kết cấu tàu thủy, ... phục vụ công tác thiết kế tàu bằng các loại vật liệu khác nhau.

B.5. Hiểu và áp dụng được công nghệ đóng sửa phần thân tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau.

B.6. Hiểu và áp dụng được phương pháp lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy và thiết bị tàu thủy.

C. Kỹ năng

C.1. Tham gia thiết kế, xét duyệt thiết kế các loại tàu thủy thông dụng bằng các vật liệu khác nhau.

C.2. Lập kế hoạch thi công, giám sát, kiểm tra, quản lý chất lượng quá trình đóng mới và sửa chữa phần thân tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau.

C.3. Tham gia lắp đặt, sửa chữa, kiểm tra, giám sát quá trình thi công phần máy và thiết bị tàu thủy. Thực hiện gia công cơ khí cơ bản, tương đương thợ cơ khí bậc 2.

C.4. Sử dụng được phần mềm chuyên dụng trong thiết kế, thi công đóng mới và sửa chữa tàu thủy.



C.5. Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phản biện và làm việc nhóm; kỹ năng rèn luyện sức khỏe.

C.6. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn;

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia làm việc tại:

1. Cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy.
2. Cơ sở sản xuất thiết bị phụ trợ của ngành công nghiệp tàu thủy.
3. Cơ quan đăng kiểm tàu thủy.
4. Cơ quan tư vấn, giám sát, bảo hiểm, giám định chất lượng tàu thủy.
5. Cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Kỹ thuật tàu thủy.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	60	38,7	48	80,0	12	20,0
1. Khoa học xã hội và nhân văn	20	12,9	14	23,3	6	10,0
2. Toán và khoa học tự nhiên	21	13,5	17	28,4	4	6,7
3. Ngoại ngữ	8	5,2	8	13,3	0	0,0
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,1	9	15,0	2	3,3
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	61,3	79	83,2	16	16,8
1. Kiến thức cơ sở ngành	39	25,2	33	34,7	6	6,3
2. Kiến thức ngành	56	36,1	46	48,5	10	10,5
Cộng	155	100,0	127	81,9	28	18,1

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.



IV.4 Nội dung chương trình đào tạo

TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/ Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
		Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	60				
I. Khoa học xã hội và nhân văn	20				
I.1. Các học phần bắt buộc	14				
1 Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30			A1,B1
2 Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45		1	A1,B1
3 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2	A1,B1
4 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		3	A1,B1
5 Pháp luật đại cương	2	30			A1,A2,B1
6 Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30			A2,C5
I.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 4 hp)	6				
7 Tâm lý học đại cương	2	30			B2,C5
8 Kinh tế học đại cương	2	30			B2
9 Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30			A2,C5
10 Nhập môn quản trị học	2	30			B2
11 Nhập môn hành chính nhà nước	2	30			B2,C5
II. Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh	11				
II.1. Các học phần bắt buộc	9				
12 Điền kinh	1	15			A2,B1,C5
13 Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3	45			A1,B1
14 Công tác quốc phòng - an ninh	2	30			A1,B1
15 Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3	45			A1,B1
II.2. Các học phần tự chọn	2				
16 Bóng đá	1	15			A2,B1,C5


17	Bóng chuyền	1	15			A2,B1,C5
18	Cầu lông	1	15			A2,B1,C5
19	Võ thuật	1	15			A2,B1,C5
20	Bơi lội	1	15			A2,B1,C5
III. Toán và khoa học tự nhiên		21				
III.1. Các học phần bắt buộc		17				
21	Đại số tuyến tính	2	30			B2
22	Giải tích	3	45		21	B2
23	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		21,22	B2
24	Tin học cơ sở	2	30			B2,C6
25	Thực hành tin học cơ sở	1		15		B2,C6
26	Vật lý đại cương	3	45			B2
27	Thực hành vật lý đại cương	1		15	26	B2
28	Con người và môi trường	2	30			A1,B2
III.2. Các học phần tự chọn		4				
29	Biến đổi khí hậu	2	30			A1,B2
30	Hóa đại cương	3	45			B2
31	Thực hành hóa đại cương	1		15		B2
IV. Ngoại ngữ		8				
32	Tiếng Anh A2.1	4	30	30		C6
33	Tiếng Anh A2.2	4	30	30		C6
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		95				
I. Kiến thức cơ sở ngành		39				
I.1. Các học phần bắt buộc		33				
34	Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy	2	30			A2,B3,C5
35	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật	3	30	15		B3
36	Cơ kỹ thuật	3	35	10		B3
37	Sức bền vật liệu	3	40	5		B3
38	Cơ lưu chất	3	40	5		B3
39	Vật liệu kỹ thuật	3	30	15	30	B3



40	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	45			B3
41	Kỹ thuật điện	2	20	10		B3
42	Kỹ thuật vẽ tàu	4	30	30	35,52	B3
43	Lý thuyết tàu thủy	4	60		36	B4,C1
44	Thực hành Cơ khí	3	6 tuần		35	A1,C3
I.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 7 hp)		6				
45	Phương pháp phân tử hữu hạn	2	30		22	B2,B3,C4
46	Dung sai lắp ghép và Đo lường kỹ thuật	2	15	15		B3
47	Máy nâng chuyển	2	30		37	B6,C3
48	Kỹ thuật thủy khí	2	30		38	B6,C3
49	Chống ăn mòn tàu thủy	2	30			B3,B5,C2
50	Kỹ thuật an toàn ngành KTTT	2	30			A1,B3
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			B2,C5
II. Kiến thức ngành		56				
II.1. Các học phần bắt buộc		46				
52	Kết cấu – Sức bền tàu thủy (Bài tập lớn)	4	45	15	43	B4,C1
53	Động cơ đốt trong	4	50	10		B6,C3,C5
54	Thiết bị năng lượng tàu thủy	3	45		53	B6,C3
55	ĐAMH TBNL tàu thủy	1		15		B6,C3,C5
56	Thiết bị tàu thủy	3	45		54	B6,C3
57	ĐAMH Thiết bị tàu thủy	1		15		B6,C3,C5
58	Sửa chữa TBNL tàu thủy	3	45		54	B6,C3,C5
59	Thiết kế thân tàu thủy	3	45		52	B4,C1
60	ĐAMH Thiết kế thân tàu thủy	1		15		B4,C1,C5
61	Công nghệ đóng sửa tàu vỏ thép	3	45		52	B5,C2
62	ĐAMH Công nghệ đóng sửa tàu vỏ thép	1		15		B5,C2,C5
63	Công nghệ đóng sửa tàu phi kim loại	3	30	15	52	B5,C2,C5
64	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy	3	45		32,33	C5,C6
65	Hàn tàu thủy	2	15	15		B5,C2,C5
66	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2	15	15	52	B4,B5,B6C 4

67	Điện tàu thủy	2	30		41	C3
68	Thực tập chuyên ngành	5	8 tuần		58,61	C2,C3,C5
69	Thực tập ngành	2	5 tuần		68	C1,C2,C3C 5
II.2.Các học phần tự chọn (Chọn 5 trong 10 hp)		10				
70	Đăng kiểm tàu thủy	2	30		61	B4,B5,B6C 1,C2,C3
71	Kỹ thuật kiểm tra không phá hủy	2	30		61	B5,B6 C2,C3
72	Công trình thủy công	2	30		61	B5,C2
73	Trang trí nội thất tàu thủy	2	30		61	B5,C2
74	Công nghệ CAD/CAM trong đóng tàu	2	30		61	B5,C2,C4
75	Công nghệ chế tạo kết cấu tàu thủy	2	30		61	B5,C2,C4
76	Máy phụ tàu thủy	2	30		58	B6,C3
77	Đường ống tàu thủy	2	30		58	B6,C3
78	Tự động hóa Thiết bị năng lượng tàu thủy	2	30		58	B6,C3
79	Máy khai thác	2	30		58	B6,C3

TỔ CẬP NHẬP


 Nguyễn Văn Vũ

PHÒNG ĐÀO TẠO


 Trần Đoàn Hùng

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


 Trần Gia Thái

HIỆU TRƯỞNG




 Trương Thị Trung